TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/DS-ST
Ngày: 26-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn H;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm X.

Là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

Địa chỉ: Khu vực T N, phường K H, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm X (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2025, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G T, xã H H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn B, sinh năm Z(vắng mặt);

2. Bà Phạm Thị S, sinh năm R (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực H T, phường K H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn trình bày:

Trước đây vào năm 2014, ông Trần Đại H có bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S thông qua thỏa thuận bằng lời nói. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi cho vợ chồng ông B và bà S hoặc vợ chồng ông B và bà S đến lấy hàng tại kho của ông Trần Đại H. Ông B và bà S tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông Trần Đại H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, theo hợp đồng thì vợ chồng ông B và bà S phải thanh toán hết tiền hàng cho ông Trần Đại H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, vợ chồng ông B và bà S vẫn không thanh toán tiền hàng thì ông Trần Đại H có quyền cắt hàng và đề nghị vợ chồng ông B và bà S thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông Trần Đại H.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông Trần Đại H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của vợ chồng ông B và bà S. Sau khi nhận hàng vợ chồng ông B và bà S không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông Trần Đại H đã giao. Trong quá trình mua bán, ông Trần Đại H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng nhưng vợ chồng ông B và bà S chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể vợ chồng ông B và bà S chưa thanh toán hết tiền hàng cho ông Trần Đại H, còn nợ số tiền 134.215.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà S liên đới trả cho ông Trần Đại H là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền nợ gốc là 134.215.000 đồng và tiền lãi từ ngày ký đối chiếu công nợ là ngày 16/8/2025 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/ tháng.

- Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2025, nguyên đơn ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M trình bày: Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S liên đới trả nguyên đơn nợ gốc 134.215.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bị đơn trả lãi.

- Đối với bị đơn ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S: Ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Lê Văn B có đơn yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thanh Thịnh và các bị đơn ông Lê Văn B, bà Phạm Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Thịnh, ông B và bà S vắng mặt. Ông Thịnh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B và bà S vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn ông Dương Thanh Thịnh và các bị đơn ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S liên đới trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 134.215.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là "Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng" đề ngày 16/8/2025, tồn nợ cuối kỳ là 134.215.000 đồng, khách hàng ông Lê Văn B đã điểm chỉ xác nhận. Xét thấy, chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông B và bà S còn nợ lại là 134.215.000 đồng và có điểm chỉ xác nhận của ông B. Ông B và bà S đã được Toà án cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[2.2] Việc thỏa thuận của nguyên đơn và các bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015, được pháp luật bảo vệ. Ông Trần Đại H đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm cho bên mua là ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S. Ông B và bà S đã nhận đủ tài sản do ông H chuyển giao để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông B và bà S chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho ông H theo thỏa thuận và ông B và bà S còn nợ của ông H số tiền là 134.215.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trần Đại H chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông B và bà S liên đới trả số tiền nợ 134.215.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu các bị đơn trả lãi chậm thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Về án phí:

[3.1] Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Đại H chủ hộ kinh doanh Tân Quang M được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Các bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Văn B, sinh năm 1952, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên ông Lê Văn B thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.3] Bị đơn bà Phạm Thị S, sinh năm 1955, là người cao tuổi nhưng bà Phạm Thị S không có đơn yêu cầu miễn án phí nên không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M về việc yêu cầu các bị đơn ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S liên đới trả nguyên đơn số tiền lãi từ ngày 16/8/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

3. Buộc bị đơn ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền nợ gốc là 134.215.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.383.000 đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006222 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn bà Phạm Thị S phải nộp án phí dân sự là 3.355.375 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ. Bị đơn ông Lê Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về việc kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV8-CT;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- TAND TPCT;
- Phòng THADS KV8-CT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn H;

Ông Bùi Anh Đức.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 269/2023/TLST – DS ngày 26/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm 1993.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh Tân Thành Công.

Địa chỉ: Ấp Sóc Bưng, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Mai Chinh, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Sóc Bưng, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: + Ông Lê Hoàng Khởi (vắng mặt);

+ Bà Lê Thị Trúc Nhiên (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Đê, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H là người đại diện Hộ kinh doanh Tân Thành Công.

2. Buộc ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Đại H là người đại diện Hộ kinh doanh Tân Thành Công tổng số tiền nợ gốc là 206.772.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Đại H là đại diện Hộ kinh doanh Tân Thành Công được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.169.300 đồng (Năm triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm đồng) theo biên lai thu số 0010371 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Lê Văn B và bà Phạm Thị S phải liên đới nộp án phí dân sự là 10.338.600 đồng (Mười triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về việc kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Ý kiến khác: Không.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ ..... phút, ngày 23 tháng 5 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến

***Nơi nhận*:**
THẨM
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Mến

***Nơi nhận*:**
THẨM
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
TÒA
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN –** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Trần Thị Mến

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiện